

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 419/2022/DS-PT

Ngày: 27/7/2022

V/v: Tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy

Các Thẩm phán:

1/Bà Đỗ Thị Hòa

2/ Bà Nguyễn Thị Kim Cương

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Duyên -
Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Đỗ
Thị Vân - Kiểm Sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành Phố H đã
xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 166/2022/TLPT-DS ngày 17 tháng 6
năm 2022 về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 86/2022/DS-ST ngày 26 tháng 4 năm 2022
của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3781/2022/QĐ-PT
ngày 11 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Vũ Hồng Đ**, sinh năm 1969; Địa chỉ: Số 333, đường
Huỳnh Tấn P, phường Đ, Quận B, Thành phố H (có mặt).

Bị đơn: Bà **Vũ Thị Tuyết M**, sinh năm 1976; Địa chỉ: Số 22/1A (số cũ
4A), đường Y, Phường H, quận T, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Thanh B, sinh
năm 1976; Địa chỉ: Số 7, đường T, Phường H, quận T, Thành phố H.

(theo Giấy ủy quyền số công chứng 015780 quyền số 07TP/CC-
SCC/HĐGD ngày 16/7/2022 tại Phòng Công chứng B, Thành phố H) (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Công ty TNHH Ô tô NS Việt
Nam**; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Touprong RM; Địa chỉ: Lô DVTM 2
– DVTM 3, đường số 7, khu chế xuất T, phường Đ, Quận B, Thành phố H. (Đại

diện theo Giấy ủy quyền số 05/2020/POA-VSA ngày 22/3/2021) (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/11/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Vũ Hồng Đ trình bày:

Qua bạn bè giới thiệu thì ông có quen biết bà Vũ Thị Tuyết M, ông và bà M cũng có một số lần tặng quà qua lại cho nhau vào những dịp như sinh nhật hay khi bà M tặng quà cho ông thì ông tặng lại cho bà M theo phép lịch sự. Vào khoảng tháng 10/2020, bà M có nhu cầu mua xe nên có hỏi mượn ông số tiền 500.000.000 đồng, do ông cũng có kiến thức về xe ô tô nên ông có đi xem và mua xe cùng với bà M. Trong quá trình bà M mua xe ông có chuyển cho bà M mượn tiền 03 lần, cụ thể:

Ngày 13/10/2020, ông chuyển số tiền 50.000.000 đồng vào tài khoản của Công ty Cổ phần Ô tô H với nội dung “Vũ Thị Tuyết M đặt cọc mua xe C300 AMG Đỏ - Nội thất đen BS 51H 366.25” nhưng số tiền này sau đó chuyển trả lại vào tài khoản của bà Vũ Thị Tuyết M vì công ty không đủ giấy tờ để bán.

Ngày 15/10/2020, ông chuyển số tiền 50.000.000 đồng vào tài khoản của Công ty TNHH Ô tô NS Việt Nam với nội dung “KH Vũ Thị Tuyết M thanh toán C300 Do 51H 366.25”.

Ngày 15/10/2020, ông có chuyển tiếp số tiền 400.000.000 đồng vào tài khoản của bà Vũ Thị Tuyết M số 100004430037 với nội dung “A Đ chuyển tiền mua xe”.

Việc ông cho bà M mượn tiền không có lập hợp đồng vay mượn hay tin nhắn trao đổi qua điện thoại mà nói miệng, do ông và bà M là bạn nên ông tin tưởng bà M, lúc cho mượn không xác định thời hạn thanh toán vì bà M hứa sau này sẽ thanh toán cho ông khi ông cần.

Nay ông có nhu cầu sử dụng số tiền trên nên ông khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bà Vũ Thị Tuyết M thanh toán cho ông số tiền 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng, yêu cầu bị đơn thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Nguyễn Thành L – đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Vũ Thị Tuyết M trình bày:

Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 500.000.000 đồng. Thực tế, giữa ông Đ và bà M là quan hệ tình cảm nam nữ, do ông Đ có tình cảm, muốn chinh phục bà M nên có tặng quà cho bà M nhiều lần, ông Đ còn tặng cả nhẫn kim cương có giá trị cao cho bà M và số tiền 500.000.000 đồng cũng là do ông Đ tặng bà M để bà M sử dụng.

Bà M không hề vay mượn gì từ ông Đ nên các bên không có giấy tờ vay mượn, tin nhắn mượn tiền, không có thỏa thuận thời hạn thanh toán hay tiền lãi, vì số tiền ông Đ cho bà M là xuất phát từ quan hệ tình cảm cá nhân của các bên. Thực tế giữa bà M và ông Đ không có vay mượn gì nên bà M không đồng ý trả lại tiền cho ông Đ. Do đó, bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bà M có bản tự khai trình bày bà đồng ý cho lại ông Đ số tiền 250.000.000 đồng là vì bà thấy ông Đ tội nghiệp, đây là tiền ông Đ cho bà, bà chỉ muốn mọi việc khép lại nhưng do ông Đ cứ quây phá chỗ ở, chỗ làm việc thậm chí là Đảng ủy Phường H, quận T nơi bà M sinh hoạt đảng, đã làm ảnh hưởng đến uy tín của bà rất nhiều nên bà không đồng ý cho lại ông Đ nữa.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH Ô tô NS Việt Nam do ông Touprong RM đại diện theo ủy quyền có bản tự khai trình bày:* Công ty có bán xe ô tô hiệu Merceder kiểu xe C300 AMG (205083) biển số 50LD – 154.82 theo Hợp đồng bán hàng số C300-CPOVSA50LD-152.83/PMH với bà Vũ Thị Tuyết M, việc mua bán đã thực hiện xong và bà M đã nhận xe. Việc tranh chấp giữa ông Đ và bà M, Công ty không có liên quan và không có yêu cầu hay ý kiến gì nên xin được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Vũ Hồng Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bà Vũ Thị Tuyết M trả lại cho ông toàn bộ số tiền 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng, yêu cầu thanh toán một lần toàn bộ số tiền ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giữa hai bên là việc tặng cho xuất phát từ tình cảm nam nữ chứ không phải vay mượn như ông Đ trình bày.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 86/2022/DS-ST ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận T đã tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bà Vũ Thị Tuyết M trả lại số tiền 500.000.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 04 tháng 5 năm 2022, nguyên đơn ông Vũ Hồng Đ có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm với lý do: Tòa cấp sơ thẩm chưa đánh giá khách quan toàn diện vụ án, cụ thể không xem xét đánh giá đối tượng của hợp đồng, vai trò quan trọng trong việc xác định quyền sở hữu là tiền của ông và tính hợp pháp của giao dịch khi chuyển tiền qua ngân hàng. Việc ông cho bà M mượn tiền để mua xe bằng miệng pháp luật không bắt buộc phải lập văn bản, trong khi ông đã chứng minh được việc thực hiện giao dịch là có thật thông qua chứng cứ là chứng từ chuyển tiền của ngân hàng. Tòa án không thu thập đầy đủ chứng cứ liên quan mà nhận định theo suy đoán chủ quan, thiếu căn cứ khi cho rằng số tiền ông chuyển cho bà M là do ông tặng cho bà M không phải là cho bà M mượn tiền, để từ đó

bác yêu cầu khởi kiện của ông là không đảm bảo quyền và lợi ích của ông. Tòa chưa làm rõ yếu tố khách quan trong giao dịch này thực chất là thể hiện rõ ý chí của cả hai bên, bên mượn thì mục đích để mua xe, bên cho mượn cũng là mục đích cho bên mượn để mua xe. Vì vậy, ông kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm, đồng thời yêu cầu Tòa xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, buộc bà M phải trả lại cho ông 500.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Vũ Hồng Đ rút một phần yêu cầu kháng cáo đối với đề nghị cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm. Ông Đ chỉ kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, buộc bà M phải trả lại cho ông số tiền 500.000.000 đồng nêu trên.

Người đại diện hợp pháp của bà M không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đ, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa phúc thẩm cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Thấy, nội dung kháng cáo của phía nguyên đơn là không có căn, việc nguyên đơn cho rằng số tiền 500.000.000 đồng mà nguyên đơn chuyển khoản cho bà M là nguyên đơn cho bà M mượn chứ không phải là tặng cho bà M. Việc này đã bị phía bà M phủ nhận. Xét thấy, căn cứ vào những biên lai chuyển khoản thì không có nội dung nào thể hiện ông Đ cho bà M mượn số tiền trên, nên đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Đề nghị giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H phát biểu quan điểm, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Vũ Hồng Đ còn trong hạn theo quy định tại Điều 273 và Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên kháng cáo là hợp lệ và được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn:

Xét, việc nguyên đơn yêu hủy án sơ thẩm đồng thời yêu cầu sửa án sơ thẩm. Tuy nhiên, tại phiên tòa phía nguyên đơn đã rút lại phần yêu cầu kháng cáo hủy án sơ thẩm.

Xét, nguyên đơn kháng cáo cho rằng Tòa cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng tố tụng khi không thu thập đánh giá chứng cứ khách quan khi nguyên đơn đã đưa ra các chứng cứ chứng minh việc nguyên đơn cho bị đơn mượn số tiền 500.000.000 đồng để mua xe, đó là các mã chuyển tiền vào tài khoản của Công ty TNHH Ô tô Hàng Xanh, Công ty TNHH Ô tô NS Việt Nam và chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản của bà M đều có nội dung chuyển tiền mua xe, nhưng Tòa cấp sơ thẩm không xem xét các chứng cứ này mà lại nhận định theo suy đoán chủ quan qua lời khai của bà M, để từ đó không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Đ.

Thấy, tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đ và phía đại diện bị đơn đều xác nhận: Ông Đ chuyển khoản số tiền 500.000.000 đồng để bà M mua xe C300 AMC biển số 51H-366.25 xuất phát từ mối quan hệ tình cảm giữa ông Đ và bà M, sự việc này cũng phù hợp với nội dung trong phần nhận định của Bản án sơ thẩm.

Xét, việc ông Đ khẳng định số tiền 500.000.000 đồng là tiền ông chuyển khoản cho bà M mượn chứ không phải là cho tặng bà M để bà M mua xe, nhưng lời khai này của ông Đ không được bà M thừa nhận. Thấy trong các mã giao dịch mà ông Đ chuyển khoản, cụ thể:

Ngày 13/10/2020, ông Đ chuyển 50.000.000 vào tài khoản của Công ty cổ phần Ô tô Hàng Xanh có nội dung: *“Vũ Thị Tuyết M đặt cọc mua xe C300 Đỏ - nội thất đen biển số BS 51H-366.25”*

Ngày 15/10/2020, ông Đ chuyển vào tài khoản của Công ty TNHH Ô tô NS Việt Nam 50.000.000 đồng có nội dung: *“Khách hàng Vũ Thị Tuyết M thanh toán C300 Đỏ - BS 51H-366.25”*.

Ngày 15/10/2020, ông Đ chuyển trực tiếp vào tài khoản của bà M 400.000.000 đồng có nội dung: *“Anh Đ chuyển tiền mua xe”*.

Nhận thấy, tất cả các tài liệu mà ông Đ xuất trình đều là các mã giao dịch chuyển khoản nêu trên không có nội dung nào thể hiện ông Đ cho bà M mượn 500.000.000 đồng. Ngoài các tài liệu trên thì phía nguyên đơn và bị đơn có đưa ra một số tài liệu khác là tin nhắn, email qua lại giữa hai bên nhưng cũng không có nội dung nào thể hiện ý chí của ông Đ cho bà M mượn số tiền trên, cũng như không có chứng cứ nào chứng minh bà M được ông Đ tặng cho số tiền này.

Căn cứ Khoản 1 Điều 6 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định về cung cấp chứng cứ và chứng minh trong tố tụng dân sự quy định: *“Đương sự có quyền và nghĩa vụ chủ động thu thập, giao nộp chứng cứ cho Tòa án và chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp.”*

Nhận thấy, từ khi khởi kiện cho đến tại phiên tòa phúc thẩm ngoài những chứng cứ đã nộp, ông Đ vẫn không xuất trình chứng cứ nào mới chứng minh số tiền 500.000.000 đồng đã chuyển cho bà M là cho mượn. Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa cấp sơ thẩm nhận định xác định việc ông Đ chuyển số tiền trên cho bà M không phải là quan hệ cho mượn tài sản là đúng nhưng lại căn cứ vào lời khai

của người đại diện hợp pháp của phía bị đơn để xác định số tiền 500.000.000 đồng này là ý chí tự nguyện của nguyên đơn tặng cho bị đơn là chưa chính xác.

Bởi trong vụ án này thì phía nguyên đơn và bị đơn khi giao nhận số tiền này không có thỏa thuận gì. Để xác định giao dịch này là hợp đồng mượn tài sản hay tặng cho tài sản thì cần phải xác định theo dấu hiệu đặc trưng của từng loại hợp đồng cụ thể theo quy định của pháp luật.

Căn cứ Điều 457 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: *“Hợp đồng tặng cho tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên theo đó bên tặng cho giao tài sản của mình và chuyển quyền sở hữu cho bên được tặng cho mà không yêu cầu đền bù, bên được tặng cho đồng ý nhận”*.

Căn cứ Điều 494 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: *“Hợp đồng mượn tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho mượn giao tài sản cho bên mượn để sử dụng trong một thời hạn mà không phải trả tiền. Bên mượn phải trả lại tài sản đó khi hết thời hạn mượn hoặc mục đích mượn đã đạt được”*.

Đối chiếu quy định giữa các điều luật nêu trên cho thấy quan hệ tặng cho tài sản và quan hệ mượn tài sản hoàn toàn khác biệt, thể hiện việc người được tặng cho không có nghĩa vụ trả lại tài sản, còn người mượn tài sản thì phải có nghĩa vụ trả lại tài sản

Như đã phân tích nêu trên. Không phải cứ không cho thì đương nhiên là “mượn”. Không phải cứ không chứng minh được là “cho” thì phải trả lại tiền đã nhận. Do ông Đ không chứng minh được nghĩa vụ phải trả lại của bị đơn nên Tòa cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, mặc dù phía bà M cũng không chứng minh được là bà M được ông Đ tặng cho số tiền này.

Từ những căn cứ phân tích nêu trên. Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Đ, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận T.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm:

Do yêu cầu kháng cáo của ông Đ không được chấp nhận nên ông Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng theo quy định của pháp luật, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b Khoản 1 Điều 38, Điều 148, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 298, Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014).

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Vũ Hồng Đ.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 86/2022/DS-ST ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H.

2.1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Hồng Đ về yêu cầu Tòa án buộc bà Vũ Thị Tuyết M trả lại số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng.

2.2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Vũ Hồng Đ phải nộp số tiền án phí là 24.000.000 (hai mươi bốn triệu) đồng. Chuyển số tiền tạm ứng án phí 12.000.000 (mười hai triệu) đồng do ông Đ đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí số AA/2019/0068936 ngày 23/12/2020 thành tiền án phí, ông Đ còn phải nộp thêm tiền án phí là 12.000.000 (mười hai triệu) đồng.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Vũ Hồng Đ phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2021/0031410 ngày 11/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận T lập.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại TP. H;
- VKSND Cấp cao tại TP. H;
- VKSND TP. H;
- TAND quận T;
- Chi cục THADS Q. T;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thủy